

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 03/4/2020.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bà Hoàng Thị Hường. Chức vụ: Cán bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Krông Pắc.

2. Ông Phạm Xuân Mỹ. Chức vụ: Hiệu trưởng trường dân tộc nội trú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình. Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03/4/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 403/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23/3/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thị C. Sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn 18, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Liêu Văn Cường, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn 18, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Triệu Thị C trình bày: Tôi với anh Liêu Văn C yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/7/2012. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 58/2012, Quyền số 01/2010. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là:

1/ Liêu Anh K, sinh ngày 27/9/2012.

2/ Liêu Anh K1, sinh ngày 30/11/2017.

Và tạo lập được khối tài sản chung và có nợ chung nhất định.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất, anh C không lo làm ăn lại thường hay vay nợ bên ngoài nhưng tôi lại không biết vay nợ để làm gì nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Do mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên tôi đã làm ăn tại Bình Dương từ tháng 7/2019 cho đến nay, còn hai con chung từ khi tôi làm ăn xa thì mẹ ruột của tôi đang chăm sóc nuôi dưỡng.

Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn xin ly hôn với nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Liêu Văn C.

Về con chung: Tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Liêu Anh K và đồng ý để anh Liêu Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Liêu anh K1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và anh C tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Liêu Văn C trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung tôi thừa nhận lời trình bày của chị C là có thật, tôi không bổ sung gì thêm.

Theo tôi nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, quan điểm không đồng nhất. Tôi đau ốm không đi làm được nên vợ tôi hay cằn nhằn cho rằng tôi lười biếng, thậm chí còn ném cả tư trang của tôi ra hiên nhà, còn những khoản nợ tôi vay là phục vụ cho việc chữa bệnh cho bản thân tôi. Từ tháng 7/2019 cho đến nay vợ tôi bỏ nhà đi làm tại Bình Dương nên mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng do không có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau.

Nay chị C làm đơn xin ly hôn với tôi, tôi có nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy tình cảm của tôi đối với vợ vẫn còn, các con chung còn nhỏ nên tôi đề nghị Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị C ly hôn với tôi, tôi có nguyện vọng nuôi cháu Liêu Anh K., sinh ngày 30/11/2017 và đồng ý để cho chị Triệu Thị C nuôi cháu Liêu Anh Khoa, sinh ngày 27/9/2002 cho đến khi các chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà C cương quyết xin được ly hôn, còn ông C thì đề nghị Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy Tòa án căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Triệu Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Liêu Văn C đã được tổng đạt hợp lệ

Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Liêu Văn C mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa là vi phạm Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015. Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ) đề nghị HĐXX tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Triệu Thị C được ly hôn với Liêu Văn C.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Liêu Anh K, sinh ngày 27/9/2012 cho bà Triệu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Liêu Anh K1, sinh ngày 30/11/2017 cho ông Liêu Văn C trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Triệu Thị C và ông Liêu Văn C không yêu cầu trợ cấp tiền nuôi con chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Triệu Thị C, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy tại thời điểm bà C làm đơn khởi kiện, bị đơn ông Liêu Văn C đang cư trú tại xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy Tòa án nhân dân huyện P áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy Tòa án nhân dân huyện P đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo tham gia phiên tòa nhưng ông Liêu Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông C là có căn cứ, phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS năm 2015.

[2] Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị C xin ly hôn ông Liêu Văn C. Nhận thấy bà C và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/7/2012. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 58/2012, Quyền số 01/2010, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất nên vợ chồng thường xuyên xung đột gia đình. Do mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên

vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Để có căn cứ pháp lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và được chính quyền địa phương cung cấp rằng “Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bà C, ông C là do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất, vợ chồng lại trẻ tuổi, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên phát sinh nhiều mâu thuẫn trong đời sống, vợ chồng lại không nhường nhịn nhau nên xảy ra việc lời qua tiếng lại, do mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân và bà C mang con là cháu K1i vào Bình Dương sinh sống từ giữa năm 7/2019 cho đến nay”. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà C, ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà Triệu Thị C được ly hôn với ông Liêu Văn C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Tại phiên hòa giải lập ngày 02/3/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận: “Trong trường hợp Tòa án cho bà C và ông C ly hôn thì ông C và bà C thỏa thuận; Giao cháu cháu Liêu Anh K, sinh ngày 27/9/2012 cho bà Triệu Thị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi; Giao cháu cháu Liêu Anh K1, sinh ngày 30/11/2017 cho ông Liêu Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K1 tròn 18 tuổi”. Xét thấy, việc thỏa thuận về việc nuôi con chung của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của bà C, ông C và trao cho bà C, ông C quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Triệu Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến và quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 ; Điều 203; Khoản 3 Điều 209, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Triệu Thị C với ông Liêu Văn C.
- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà Triệu Thị C và ông Liêu Văn C;

+ Giao con chung Liêu Anh K, sinh ngày 27/9/2012 cho bà Triệu Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho khi cháu K đủ 18 tuổi.

+ Giao con chung Liêu Anh K1, sinh ngày 30/11/2017 cho ông Liêu Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho khi cháu K1 đủ 18 tuổi.

Bà Triệu Thị C và ông Liêu Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung: Bà Triệu Thị C và ông Liêu Văn C không yêu cầu giải quyết nên không đề cập để giải quyết.

- Về án phí: Bà Triệu Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0003915 ngày 05 tháng 12 năm 2019.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện P;
- Chi cục Thi hành án huyện P;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

(Đã ký)

Võ Thanh Hà